

BÁO CÁO

**Đánh giá 07 năm thi hành Nghị định số 09/2016/NĐ-CP
ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về tăng cường vi chất dinh
dưỡng vào thực phẩm**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Ngày 28/01/2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2016/NĐ-CP quy định về việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm. Sau 07 năm thi hành, Nghị định đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng góp phần tích cực nhằm khắc phục kịp thời các thiếu sót trong chính sách về tăng cường vi chất dinh dưỡng, cải thiện tầm vóc Việt và nâng cao sức khỏe cộng đồng.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong đó giao cho Bộ Y tế đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2016 quy định tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm (Nghị định số 09). Trên cơ sở có các nghiên cứu, bằng chứng khoa học, kinh nghiệm quốc tế và đánh giá tác động về mặt chính sách một cách đầy đủ, Bộ Y tế báo cáo đánh giá 07 năm thi hành Nghị định số 09 với các nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Diễn biến tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng tại Việt Nam

Các thông tin về Kết quả Tổng điều tra dinh dưỡng năm 2020, cho thấy tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở Việt Nam tiếp tục diễn ra như sau:

1.1. Tình trạng thiếu i-ốt

Mức trung vị i-ốt niệu- phản ánh tiêu thụ i-ốt từ khẩu phần- còn thấp. Kết quả Tổng điều tra Dinh dưỡng năm 2019-2020, cho thấy hầu hết các nhóm đối tượng, mức trung vị i-ốt niệu đều không đạt so với khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), thấp nhất ở phụ nữ có thai và phụ nữ cho con bú, tương ứng là 85,3 µg/L và 89,5 µg/L; phụ nữ tuổi sinh đẻ là 98,9 µg/L; ở nhóm đối tượng trẻ em trên 6 tuổi là 113,3 µg/L; trẻ em (miền núi) là 90,0 µg/L. Tỷ lệ người có nồng

độ i-ốt niệu vượt quá ngưỡng 300 ppm là 0% (ngưỡng > 300ppm là ngưỡng có i-ốt niệu cao)¹.

Tỷ lệ hộ gia đình dùng muối i-ốt còn thấp tại Việt Nam. Kết quả Tổng điều tra Dinh dưỡng năm 2019-2020, tỷ lệ hộ gia đình được bao phủ muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh theo khuyến cáo của WHO là 27,0%; so với khuyến cáo của WHO thì tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn cần đạt >90%¹; như vậy tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn còn rất thấp tại Việt Nam (*Chi tiết tại Phụ lục 1. Bảng số liệu đánh giá thực trạng vi chất dinh dưỡng tại cộng đồng ở Việt Nam 2019-2020*).

1.2. Tình trạng thiếu sắt

Kết quả điều tra tình trạng vi chất dinh dưỡng do Viện Dinh dưỡng tiến hành năm 2014-2015 cho thấy tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai là 32,8%, phụ nữ không có thai 25,5% và trẻ em 6-59 tháng tuổi là 27,8%; tỷ lệ thiếu sắt là 47,3% đối với phụ nữ mang thai và 50,3% đối với trẻ em 6-59 tháng tuổi. Kết quả Tổng điều tra dinh dưỡng năm 2019-2020 cho thấy tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai ở mức trung bình về ý nghĩa sức khỏe cộng đồng (25,4%), phụ nữ tuổi sinh đẻ là 16,2%, nhóm trẻ 6-59 tháng tuổi là 18,1%; tỷ lệ thiếu sắt ở nhóm trẻ 6-59 tháng tuổi là 22,9%, phụ nữ độ tuổi sinh đẻ là 10,3% và ở nhóm phụ nữ có thai là 35,4%². Kết quả này cho thấy tỷ lệ Ferritin huyết thanh dưới chuẩn, theo WHO, ở mức có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng. Theo kết quả Tổng điều tra Dinh dưỡng năm 2019-2020, cho thấy tất cả các nhóm đối tượng có tỷ lệ phần trăm Ferritin huyết thanh dưới chuẩn đều không đạt so với khuyến cáo của WHO (*Chi tiết tại Phụ lục 1. Bảng số liệu đánh giá thực trạng vi chất dinh dưỡng tại cộng đồng ở Việt Nam 2019-2020*).

1.3. Tình trạng thiếu kẽm

Kết quả Điều tra tình trạng thiếu một số vi chất dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em 6-59 tháng tuổi do Viện Dinh dưỡng tiến hành năm 2014-2015 cho thấy tỷ lệ kẽm huyết thanh thấp còn rất cao, tỷ lệ này ở phụ nữ có thai là 80,3%, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ 63,6% và trẻ em 6-59 tháng tuổi là 69,4%. Kết quả Tổng điều tra dinh dưỡng năm 2019-2020, cho thấy tỷ lệ kẽm huyết thanh thấp ở phụ nữ có thai là 63%, phụ nữ trong lứa tuổi sinh đẻ là 44,3%, và trẻ em 6-59 tháng tuổi là 53,3%². Kết quả này cho thấy tỷ lệ kẽm huyết thanh thấp ở cộng đồng đặc biệt là trẻ em và phụ nữ có thai dù đã giảm nhưng vẫn còn rất cao, ở mức có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng cần can thiệp. Theo kết quả Tổng điều tra Dinh dưỡng năm 2019-2020, cho thấy tất cả các nhóm đối tượng có tỷ lệ kẽm huyết thanh thấp đều không đạt so với khuyến nghị của Nhóm tư vấn kẽm dinh dưỡng Quốc tế (IZiNCG) và NHANES II (*Chi tiết tại Phụ lục 1. Bảng số liệu đánh giá thực trạng*

¹ Báo cáo kết quả Tổng điều tra Dinh dưỡng 2020, tháng 9/2023, Viện Dinh dưỡng.

² Báo cáo kết quả Tổng điều tra dinh dưỡng 2020, tháng 9/2023, Viện Dinh dưỡng.

vi chất dinh dưỡng tại cộng đồng ở Việt Nam 2019-2020).

1.4. Tình trạng thiếu vitamin A

Kết quả Tổng điều tra dinh dưỡng năm 2019-2020 cho thấy: Tỷ lệ retinol trong sữa mẹ thấp năm 2020 là 16,7%; tỷ lệ retinol huyết thanh thấp ở nhóm trẻ 6-59 tháng tuổi trên cả nước là 8,9%, ở mức ý nghĩa sức khỏe cộng đồng, trong đó, khu vực Trung Du và miền núi phía Bắc (13,4%), Đồng bằng sông Cửu Long (10,2%) và Tây Nguyên (10,2%) vẫn ở mức trung bình về ý nghĩa sức khỏe cộng đồng. Kết quả này cho thấy tỷ lệ retinol huyết thanh thấp ở trẻ em và tỷ lệ retinol trong sữa mẹ thấp ở mức có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng, đều không đạt so với khuyến nghị của WHO.

2. Hậu quả của thiếu vi chất dinh dưỡng và tính cần thiết tăng cường vi chất vào thực phẩm để phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng

Hậu quả của việc thiếu vi chất dinh dưỡng đối với sức khỏe con người là rất nghiêm trọng. Nó không biểu hiện nhanh chóng ra bên ngoài trong một vài ngày, một vài năm mà diễn tiến bệnh âm thầm, dần dần bào mòn sự phát triển trí tuệ và sự tăng trưởng của con người. Đối tượng bị tác động mạnh nhất bởi thiếu vi chất dinh dưỡng chính là phụ nữ và trẻ em, trong đó, những tổn thương do thiếu i-ốt gây ra như đần độn, thiếu năng trí tuệ không thể nào chữa được.

Các vi chất dinh dưỡng như i-ốt, sắt, kẽm, vitamin A.... rất cần thiết đối với cơ thể con người. Thiếu hụt i-ốt là nguyên nhân chính dẫn đến chậm phát triển trí tuệ ở trẻ em, broun cổ sơ sinh, gây đẻ non, thai chết lưu, sảy thai ở phụ nữ. Thiếu sắt gây thiếu máu, làm tăng nguy cơ tử vong mẹ, phát triển thai nhi kém, suy yếu phát triển nhận thức, vận động ở trẻ em cũng như giảm năng suất lao động ở người lớn. Thiếu kẽm làm tăng tỷ lệ mắc tiêu chảy, nguy cơ nhiễm trùng đường hô hấp cấp tính và tử vong trẻ em. Thiếu vitamin A gây ra bệnh khô mắt, dẫn đến mù lòa...

Thiếu vi chất dinh dưỡng tạo ra gánh nặng quốc gia về sức khỏe và kinh tế: 136.000 phụ nữ và trẻ em tử vong hằng năm do thiếu máu, thiếu sắt; 45% trẻ em tử vong do thiếu dinh dưỡng; tổng sản phẩm quốc nội (GDP) giảm 11% ở các nước Châu Á và Châu Phi³.

Do đó, để phòng ngừa hậu quả đối với sức khỏe của người dân thì việc giảm tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng bằng biện pháp tăng cường vi chất dinh dưỡng chủ động, thường xuyên và bền vững là rất cần thiết.

3. Thực trạng áp dụng tăng cường vi chất dinh dưỡng trong thực phẩm tại các nước trên thế giới

³ Theo báo cáo của Viện dinh dưỡng năm 2015.

Năm 2006, Tổ chức Y tế Thế giới khuyến cáo các giải pháp phòng, chống thiếu vi chất dinh dưỡng gồm: (1) Bổ sung vi chất dinh dưỡng bằng đường uống bổ sung, (2) Tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm, (3) Đa dạng hóa bữa ăn. Trong đó, tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm có giá thành thấp nhất, chỉ 0,06 USD người/ năm và có thể áp dụng rộng rãi cho cộng đồng⁴.

Tăng cường i-ốt vào muối (muối để ăn trực tiếp, gia vị mặn, và dùng chế biến thực phẩm) là giải pháp phù hợp và hiệu quả cho phòng chống thiếu i-ốt trên cộng đồng⁵ và phù hợp với kinh nghiệm của thế giới và khu vực. Phần lớn đất trên toàn cầu thiếu i-ốt và thực phẩm từ thực vật thường cung cấp lượng i-ốt không đáng kể. Muối được chấp nhận là phương tiện thích hợp để tăng cường i-ốt vì (i) muối được hầu như tất cả các nhóm dân số ở mọi quốc gia tiêu thụ rộng rãi với ít thay đổi theo mùa trong mô hình tiêu thụ và lượng tiêu thụ tỷ lệ thuận với lượng năng lượng tiêu thụ/nhu cầu; (ii) ở nhiều quốc gia, sản xuất muối có tính tập trung, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm soát chất lượng; (iii) công nghệ tăng cường i-ốt vào muối đã được thiết lập tốt, không tốn kém và tương đối dễ chuyển giao; (iv) việc thêm i-ốt vào muối không ảnh hưởng đến mùi vị của muối hoặc thực phẩm có chứa hoặc nấu bằng muối i-ốt, do đó, người tiêu dùng rất chấp nhận; (v) i-ốt [chủ yếu từ Iodat] vẫn tồn tại trong thực phẩm chế biến có chứa muối làm thành phần chính, chẳng hạn như viên súp, gia vị và súp dạng bột, do đó, những sản phẩm này trở thành nguồn cung cấp i-ốt; (vi) muối i-ốt không tốn kém (chi phí tăng cường i-ốt muối mỗi năm ước tính <0,06 đô la Mỹ cho mỗi người mỗi năm, và thậm chí còn ít hơn đối với các chương trình đã được thiết lập; và (vii) nồng độ i-ốt trong muối có thể dễ dàng được điều chỉnh để đáp ứng các chính sách nhằm giảm tiêu thụ muối để ngăn ngừa tăng huyết áp và đột quỵ.

Dựa vào khuyến cáo của WHO, số nước có quy định bắt buộc bổ sung vi chất vào muối ăn, bột mỳ và dầu ăn lần lượt là 126, 92 và 35 (năm 2024). Đặc biệt trong 126 quốc gia đang bắt buộc bổ sung i-ốt vào muối ăn, có 114 nước yêu cầu dùng muối ăn đã tăng cường i-ốt cho thực phẩm chế biến. Ở khu vực Châu Á, 18 quốc gia có quy định bắt buộc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào bột mỳ; 8 quốc gia có quy định tăng cường bắt buộc vi chất dinh dưỡng vào dầu ăn và 35 quốc gia có quy định bắt buộc tăng cường i-ốt vào muối, trong đó có 29 quốc gia yêu cầu muối sử dụng trong chế biến thực phẩm phải là muối đã tăng cường i-ốt⁶. Các quốc gia thành viên ASEAN bắt buộc sử dụng i-ốt hóa muối bao gồm 12 quốc gia: Brunei, Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines,

⁴ Guidelines on food fortification with micronutrients, WHO/FAO 2006

⁵ Jessica Rigutto-Farebrother et al. Salt Reduction and Iodine Fortification Policies Are Compatible: Perspectives for Public Health Advocacy. *Nutrients* 2024, 16(15), 2517.

⁶ Trao đổi dữ liệu toàn cầu về bổ sung vi chất <https://fortificationdata.org> (Truy cập vào 05/6/ 2024)

Singapore, Thái Lan và Việt Nam. Trong số này, ngoại trừ Brunei và Singapore, tất cả tám quốc gia đều yêu cầu sử dụng muối i-ốt cho chế biến thực phẩm (Ở Malaysia, luật hiện áp dụng cho hai quốc gia). Chỉ một số quốc gia đã phát triển, Mỹ và Úc (dùng cả muối có và không tăng cường i-ốt), Canada⁷ dùng muối hộ gia đình bắt buộc tăng cường i-ốt và không bắt buộc trong chế biến thực phẩm khi mức trung vị i-ốt niệu trong quần thể đã đạt ở mức khuyến nghị (*Chi tiết tại Phụ lục 2. Danh sách các quốc gia tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm*).

Sử dụng muối i-ốt dùng trong chế biến thực phẩm đảm bảo hiệu quả cho phòng chống thiếu i-ốt trên toàn dân. Tại các quốc gia Đông Nam Á, lượng tiêu thụ muối không đến từ muối ăn mà đến từ các loại gia vị mặn và thực phẩm chế biến sẵn^{7,8}. Có khoảng 40% lượng muối tiêu thụ được sử dụng để chế biến thực phẩm^{9,10}. Ngành công nghiệp thực phẩm chế biến tăng nhanh khi xu hướng gia tăng tiêu thụ thực phẩm chế biến³. Khuyến cáo của WHO thực hiện chính sách giảm tiêu thụ muối (bao gồm cả muối tăng cường i-ốt) để giảm lượng tiêu thụ Natri, góp phần phòng chống tăng huyết áp và các bệnh tim mạch nhưng cần cân đối để vẫn đảm bảo đủ lượng i-ốt tiêu thụ phòng chống các rối loạn do thiếu i-ốt¹¹. Do đó, muối i-ốt sử dụng trong chế biến thực phẩm trở thành một biện pháp thực tế và cần thiết để đảm bảo rằng toàn bộ dân số nhận đủ lượng i-ốt trong khẩu phần. Dữ liệu từ Hội đồng Quốc tế về Kiểm soát Thiếu hụt i-ốt (ICCIDD) cho thấy rằng ở các quốc gia mà muối i-ốt được sử dụng rộng rãi trong chế biến thực phẩm, tình trạng thiếu hụt i-ốt gần như đã được loại trừ¹¹. Với kết quả về mức trung vị i-ốt niệu còn thấp trên quần thể người dân Việt Nam, phản ánh i-ốt từ thực phẩm trong khẩu phần ăn chưa đảm bảo đủ, việc bắt buộc muối dùng cho chế biến thực phẩm phải được tăng cường i-ốt là cần thiết và có cơ sở khoa học. Bên cạnh đó, việc muối i-ốt sử dụng trong chế biến thực phẩm có hiệu quả cao, chi phí thêm i-ốt vào muối là rất nhỏ và có thể dễ dàng được thực hiện. Lợi ích sức khỏe cộng đồng là rất lớn, dẫn đến giảm chi phí y tế liên quan đến việc điều trị các rối loạn do thiếu hụt i-ốt¹¹. Hiện nay, Tổ chức Y tế Thế giới khuyến nghị mạnh mẽ về tăng cường i-ốt đối với tất cả các loại muối dùng trong gia đình và chế biến thực phẩm¹² – “*Tất cả muối dùng trong gia đình và chế biến thực phẩm cần được bổ sung i-ốt như*

⁷ <https://www150.statcan.gc.ca>.

⁸ Spohrer R, Larson M, Maurin C, Laillou A, Capanzana M, Garrett GS. The growing importance of staple foods and condiments used as ingredients in the food industry and implications for large-scale food fortification programs in Southeast Asia. *Food Nutr Bull* 2013; 34(2 Suppl): S50-61.

⁹ Giải thích cho GAIN. Sử dụng MI trong ngành thực phẩm chế biến. Tháng 10/2013 [file].

¹⁰ Ước tính của GAIN/UNICEF (2015): 144,000 tấn muối được sử dụng để chế biến thực phẩm trong tổng số 360,000 tấn muối do con người và động vật tiêu thụ.

¹¹ Ronit Endevelt et al. Challenges and obstacles implementing evidence-based food fortification policy in a high-income country. *Front. Public Health*, Volume 11 – 2023. <https://doi.org/10.3389/fpubh.2023.1052314>

¹² http://www.who.int/nutrition/publications/guidelines/fortification_foodgrade_saltwithiodine/en/

một chiến lược an toàn và hiệu quả để phòng ngừa và kiểm soát các rối loạn do thiếu i-ốt ở những nhóm dân cư sống trong điều kiện ổn định cũng như khẩn cấp”.

Năm 2006, WHO và FAO đã ban hành hướng dẫn *Guidelines on food fortification with micronutrients* chỉ ra sự cần thiết cũng như các nguyên tắc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm¹³. Gần đây, năm 2023, UNICEF cũng đưa ra hướng dẫn *Large-scale Food Fortification for the Prevention of Micronutrient Deficiencies in Children, Women and Communities*, nhấn mạnh quan điểm coi tăng cường vi chất dinh dưỡng trên diện rộng là biện pháp ưu tiên trong gói hành động phòng chống thiếu vi chất¹⁴.

Năm 2024, Hiệp hội ASEAN cũng đang thống nhất soạn thảo, Hướng dẫn tối thiểu về tăng cường vi chất dinh dưỡng trong thực phẩm trên quy mô lớn áp dụng cho cả khu vực.

Việc bắt buộc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm (food fortification) dùng cho cộng đồng không làm cho cơ thể người sử dụng dư thừa vi chất dinh dưỡng hoặc gây bệnh do thừa vi chất dinh dưỡng, kể cả đối với người dân sinh sống ở vùng không bị thiếu vi chất dinh dưỡng. Tại khoản 22 Điều 2 Luật An toàn Thực phẩm 2010 quy định thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng là thực phẩm được bổ sung vitamin, chất khoáng, chất vi lượng nhằm phòng ngừa, khắc phục sự thiếu hụt các chất đó đối với sức khỏe cộng đồng hay nhóm đối tượng cụ thể trong cộng đồng. Ngoài ra, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và các cơ quan nghiên cứu khác nhấn mạnh rằng tăng cường vi chất dinh dưỡng trên quy mô lớn là một biện pháp can thiệp y tế công cộng hiệu quả nhằm ngăn ngừa thiếu hụt vi chất dinh dưỡng mà không gây hại do tiêu thụ quá mức. Điều này đặc biệt rõ ràng trong các Nghị quyết và khuyến nghị gần đây của WHO, trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tăng cường các loại thực phẩm thiết yếu để giải quyết tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng phổ biến trên toàn cầu mà không có nguy cơ đáng kể về độc tính hoặc bổ sung quá mức^{11, 15}. Trong khi đó, hiện nay mức trung vị i-ốt niệu- phản ánh tiêu thụ i-ốt từ khẩu phần- còn thấp ở người Việt Nam. Tăng cường i-ốt vào muối là một biện pháp can thiệp ở cấp độ toàn cộng đồng có ý nghĩa với tất cả mọi người, vì ở nhiều quốc gia, phần lớn dân số sẽ có nguy cơ bị thiếu i-ốt nếu không bổ sung i-ốt vào muối. Đối với bệnh nhân được chẩn đoán có bệnh lý tuyến giáp (cường tuyến giáp, ung thư tuyến giáp...) thì được bác sỹ

¹³ Hướng dẫn Guidelines on food fortification with micronutrients, ngày xuất bản: 25/11/2006.

¹⁴ Hướng dẫn Large-scale Food Fortification for the Prevention of Micronutrient Deficiencies in Children, Women and Communities, ngày xuất bản: tháng 12/2023.

¹⁵<https://www.who.int/news/item/29-05-2023-new-wha-resolution-to-accelerate-efforts-on-food-micronutrient-fortification>.

hướng dẫn hạn chế sử dụng thực phẩm giàu i-ốt. Cho đến nay, chưa có một y văn nào đề cập đến chương trình sử dụng muối i-ốt toàn dân dẫn đến hệ quả về bệnh lý tuyến giáp. Mà ngược lại, việc sử dụng muối i-ốt có hiệu quả tăng cường lượng i-ốt tiêu thụ của người dân, giảm tỷ lệ mắc các rối loạn do thiếu hụt i-ốt (IDDs) như bướu cổ, suy giáp, và các vấn đề về nhận thức ở trẻ em; mang lại lợi ích sức khỏe cho người dân.

I-ốt có mất đi trong quá trình chế biến thực phẩm nhưng lượng i-ốt còn lại vẫn đủ để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng nếu mức ban đầu đủ. Việc sử dụng hiệu quả muối i-ốt trong chế biến thực phẩm đã có lịch sử lâu dài. i-ốt có thể bị mất trong quá trình chế biến thực phẩm, nhưng mức độ mất mát phụ thuộc vào nhiều yếu tố, chẳng hạn như phương pháp chế biến, dạng i-ốt được sử dụng, nhiệt độ và thời gian chế biến. Tuy có thể có tổn thất nhỏ về lượng i-ốt trong quá trình chế biến, chuẩn bị thực phẩm, nhưng nhiều bằng chứng cho thấy hàm lượng i-ốt trong sản phẩm thực phẩm chế biến sẽ vẫn đáp ứng yêu cầu tại thời điểm sử dụng, nhờ đó mang lại lợi ích đáng kể cho sức khỏe cộng đồng¹⁶. Các nghiên cứu cho thấy rằng các quá trình chế biến thông thường có thể làm mất khoảng 20-30% lượng i-ốt, nhưng lượng i-ốt còn lại vẫn đủ để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng nếu mức ban đầu đủ. Tuy nhiên, các kỹ thuật i-ốt hóa hiện đại và phương pháp ổn định hóa đã giúp giảm thiểu những mất mát này. Theo báo cáo của WHO thì KIO_3 là hợp chất ổn định¹⁷ và hiện đang được sử dụng là chất tăng cường i-ốt vào muối phù hợp, sẵn có, chi phí hợp lý.

Chi phí tăng cường i-ốt vào muối và chi phí đối với nhà sản xuất thực phẩm là thấp, nhưng có hiệu quả cao khi so sánh với lợi ích sức khỏe cộng đồng. Chi phí tăng cường i-ốt vào muối là rất thấp, chỉ tốn <0,06 đô-la Mỹ cho một người mỗi năm. Hơn nữa, việc bắt buộc tăng cường i-ốt vào muối sẽ tạo ra sân chơi bình đẳng cho các nhà sản xuất. Chi phí tăng nhỏ cho tăng cường vi chất trong thực phẩm có thể được chuyển sang người tiêu dùng một cách dễ dàng¹⁸. Mặc dù có thể có một số chi phí ban đầu liên quan đến việc thay đổi quy trình sản xuất, nhưng những chi phí này thường được bù đắp bởi lợi ích lâu dài. Giảm thiếu hụt i-ốt trong dân số dẫn đến chi phí y tế thấp hơn và cải thiện năng suất bằng cách ngăn ngừa các vấn đề nhận thức và các vấn đề sức khỏe khác. Ở nhiều quốc gia, các nhà sản xuất thực phẩm đã áp dụng thành công việc i-ốt hóa với gánh nặng tài chính không đáng kể. Thậm chí, một số báo cáo ngành công nghiệp chỉ ra rằng

¹⁶ Meinhardt AK, Muller A, Lohmayer R, Dederer I, Manthey-Karl M, Munch S, Bruggemann D, Fritsche J, Greiner R. Influence of processing and storage on the iodine content of meat and fish products using iodized salt. *Food Chem* 2022; 389: 133092.

¹⁷ <https://cdn.who.int/media/docs/default-source/micronutrients/gff-contents-en.pdf?sfvrsn=f964afe1/>

¹⁸ <https://www.who.int/news/item/29-05-2023-new-wha-resolution-to-accelerate-efforts-on-food-micronutrient-fortification>.

chi phí tăng thêm là không đáng kể, đặc biệt khi được chia đều trên quy mô sản xuất lớn. Thêm vào đó, tác động tích cực đến sức khỏe cộng đồng có thể góp phần vào một lực lượng lao động khỏe mạnh hơn, điều này gián tiếp mang lại lợi ích cho nền kinh tế.

II. CÔNG TÁC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác ban hành văn bản, tuyên truyền, hướng dẫn thi hành

1.1. Tình hình, kết quả thực hiện

Sau khi Nghị định 09 được ban hành, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương đã ban hành nhiều văn bản quy định pháp luật và văn bản hành chính có liên quan để thực hiện¹⁹. Trong quá trình thực hiện, khi có vướng mắc phát sinh, Chính phủ, Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan đều có văn bản giải đáp, xử lý các vướng mắc, phát sinh. Trong đó, Lãnh đạo Chính phủ đã chủ trì nhiều cuộc họp để nghe ý kiến doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức về các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện và đã có chỉ đạo kịp thời. Bộ Y tế chủ trì tổ chức nhiều cuộc họp về hướng dẫn triển khai và giải đáp khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Nghị định số 09 với sự tham gia của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các hội, hiệp hội. Trên cơ sở đó, Bộ Y tế ban hành nhiều văn bản để hướng dẫn, trả lời doanh nghiệp.

Ngày 30/12/2021, Bộ Y tế báo cáo Thủ tướng Chính phủ (số 11076/BYT-PC) về việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm. Ngày 05/01/2022, Phó Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo tại Công văn số 99/VPCP-KGVX của Văn phòng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Nghị định số 09 của Chính phủ.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ, ngày 24/01/2022, Bộ Y tế ban hành Công văn số 400/BYT-PC gửi các bộ, cơ quan ngành bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị định số 09 trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành, địa phương theo quy định; tăng cường công tác quản lý, tiếp tục quan tâm tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật và tầm quan trọng, sự cần thiết của việc tăng cường vi chất dinh dưỡng đối với sức khỏe người dân.

1.2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Việc thực hiện Nghị định số 09 gặp phải nhiều kiến nghị trì hoãn từ các doanh nghiệp, đề nghị chỉ khuyến khích áp dụng việc tăng cường vi chất. Các kiến nghị này xuất phát từ việc các quy định của Nghị định số 09 phần nào tác động đến gia tăng chi phí sản xuất, tăng thêm các yêu cầu kỹ thuật ảnh hưởng đến lợi ích doanh nghiệp. Ngoài ra, từ khi có Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 5/5/2018 của

¹⁹ Báo cáo số 125/BC/BYT Đánh giá 05 năm thi hành Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm.

Chính phủ, nhiều doanh nghiệp đã không tiếp tục thực hiện Nghị định số 09. Trên thực tế, Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP mới chỉ giao Bộ Y tế nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 09, trong khi Nghị định số 09 vẫn còn hiệu lực toàn bộ, từ đó làm hiệu quả thi hành của Nghị định số 09 bị giảm sút.

Việc triển khai Nghị định số 09 chưa được chú trọng, quan tâm, đặc biệt là khâu tuyên truyền, phổ biến, quán triệt thực hiện của nhiều cơ quan, tổ chức và địa phương; Do đó, hiệu quả tổ chức triển khai còn hạn chế.

Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại là do chưa có nguồn kinh phí thường xuyên, bền vững cho công tác tuyên truyền, chưa huy động được sự quan tâm, vào cuộc của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan báo chí. Nội dung truyền thông đa phần mới được lồng ghép trong truyền thông về y tế.

2. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

2.1. Tình hình, kết quả thực hiện

Từ khi ban hành Nghị định số 09 đến nay, các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở ngành chưa tiến hành thanh tra, kiểm tra về việc thực hiện Nghị định số 09. Công tác thanh tra, kiểm tra chủ yếu là về quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định chung của pháp luật về an toàn thực phẩm.

Qua công tác tổng hợp tình hình xử phạt vi phạm hành chính, cho đến nay chưa có cơ sở nào bị xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến tăng cường vi chất dinh dưỡng.

2.2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Sau khi Nghị định số 09 ban hành, nhiều doanh nghiệp trong đó có các doanh nghiệp sử dụng nguyên liệu tăng cường vi chất dinh dưỡng để sản xuất thực phẩm có kiến nghị. Lãnh đạo Chính phủ đã có chỉ đạo về việc không kiểm tra đối với các doanh nghiệp này²⁰. Trên cơ sở đó, Bộ Y tế ban hành Công văn 6134/BYT-PC ngày 27/10/2017 về việc thực hiện ý kiến kết luận của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các địa phương, đơn vị trực thuộc chỉ kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất muối i-ốt.

Nghị định số 09 cũng chưa có hướng dẫn cụ thể việc kiểm tra đối với việc tăng cường vi chất dinh dưỡng thực hiện như thế nào, kiểm tra đối với những sản phẩm nào, nên các cơ quan quản lý nhà nước còn lúng túng trong quá trình triển

²⁰ Thông báo số 849/TB-TCTTg ngày 04/10/2017 Thông báo ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ về kết quả kiểm tra tháng 9 năm 2017 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ nêu: "Về việc kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm có sử dụng muối i-ốt. Dù trên thực tế chưa có doanh nghiệp nào bị kiểm tra nhưng đề nghị Bộ Y tế có văn bản hướng dẫn chỉ kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất muối i-ốt, không kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm có sử dụng muối i-ốt theo đúng chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam để không gây bức xúc cho doanh nghiệp và các Hiệp hội chế biến thực phẩm."

khai, chưa tổ chức tiến hành kiểm tra thực hiện Nghị định.

Trong quá trình thực hiện Nghị định số 09, khi các cơ quan quản lý đi kiểm tra, khảo sát, đánh giá thì một số doanh nghiệp cũng chưa hợp tác hoặc từ chối tiếp đoàn, dẫn đến không thu thập được thông tin.

Do đó, công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm gặp nhiều hạn chế, khó khăn.

III. TÌNH HÌNH ÁP DỤNG NGHỊ ĐỊNH 09 TRONG TĂNG CƯỜNG VI CHẤT DINH DƯỠNG VÀO THỰC PHẨM

Năm 2018, nhận nhiệm vụ do Chính phủ giao, Bộ Y tế (chủ trì là Viện Dinh dưỡng và Cục An toàn thực phẩm phối hợp) đã tổ chức đoàn công tác đến khảo sát thực địa tại 23 cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu vi chất dinh dưỡng; thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng dùng trong nước và cơ sở sản xuất sản phẩm thực phẩm có sử dụng nguyên liệu là thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng²¹. Kết quả được tổng hợp trong Báo cáo 1495/BC-BYT ngày 28/12/2018 về thực tiễn việc thực hiện Nghị định 09 tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Kết quả này cũng đã được tổng hợp lại trong Báo cáo 125/BC-BYT ngày 09/02/2023 Đánh giá 05 năm thi hành Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28/01/2016 của Chính phủ về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm. Tiếp theo đó, Bộ Y tế có công văn số 19/BYT-PC ngày 06/01/2024 về việc phân công nhiệm vụ cho Viện Dinh dưỡng cập nhật, hoàn thành Báo cáo tổng kết 07 năm thi hành Nghị định số 09/2016/NĐ-CP. Do không thực hiện được việc tổ chức đánh giá trực tiếp thực trạng triển khai Nghị định 09 tại các doanh nghiệp bởi khó nhận được sự hợp tác phối hợp từ doanh nghiệp, Báo cáo sẽ kế thừa kết quả từ Báo cáo số 125/BC-BYT ngày 09/02/2023 về việc Đánh giá 05 năm thi hành Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm.

Cụ thể, việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm có các điểm nổi bật và khó khăn như sau:

1. Về thực hiện quy định muối dùng để ăn trực tiếp, dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường i-ốt

1.1. Tình hình, kết quả thực hiện

a) Về việc tăng cường i-ốt vào muối dùng trực tiếp:

Các cơ sở được khảo sát đều sử dụng KIO_3 với hàm lượng tăng cường tuân thủ quy định hiện hành.

Công nghệ bổ sung i-ốt vào muối tương đối đơn giản và sẵn có. Nguồn cung

²¹ Công văn số 11201/VPCP_KGVX ngày 16/11/2018 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam giao “Bộ Y tế khẩn trương khảo sát, đánh giá thực tiễn việc thực hiện Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28/01/2016 của Chính phủ”

ứng KIO_3 dễ dàng tìm được với số lượng đủ đáp ứng yêu cầu.

Các sản phẩm chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường nội địa (99%) và một số được xuất khẩu sang Nhật Bản, Hàn Quốc với tỉ lệ rất nhỏ (dưới 1%).

Năm 2021, toàn quốc có 72 cơ sở chế biến, kinh doanh muối, đa số các doanh nghiệp thực hiện chế biến và kinh doanh muối i-ốt.²²

b) Về sử dụng muối i-ốt để sản xuất thực phẩm:

Muối i-ốt sử dụng trong sản xuất được các cơ sở mua từ các nguồn trong nước và nguồn nhập khẩu. Cũng có cơ sở mua muối tinh về để tự trộn i-ốt vào muối và sử dụng muối i-ốt để sản xuất tiếp.

Theo kết quả khảo sát năm 2018, các sản phẩm thực phẩm sử dụng muối i-ốt chỉ tiêu thụ tại thị trường nội địa và tỉ lệ các sản phẩm này chiếm 90-99% tổng sản lượng các sản phẩm sử dụng muối (tỉ lệ sản phẩm sử dụng muối để xuất khẩu là 1-10% tùy từng cơ sở).

Tất cả các cơ sở sản xuất thực phẩm được khảo sát (7/7 cơ sở) đều bắt đầu sử dụng muối i-ốt từ khi quy định bắt buộc tăng cường i-ốt vào muối tại Nghị định số 09 có hiệu lực (15/3/2017).

1.2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Trong quá trình triển khai, một số doanh nghiệp đã không tiến hành thực hiện tăng cường i-ốt vào muối và sử dụng muối i-ốt để sản xuất thực phẩm. Một số Hiệp hội doanh nghiệp có các kiến nghị về khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện (*Chi tiết tại Phụ lục 3. Các kiến nghị của doanh nghiệp trong quá trình triển khai Nghị định 09*).

Đồng thời, từ ngày 15/5/2018, sau khi nhận được thông tin liên quan đến việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 09, các cơ sở sản xuất muối báo cáo số các cơ sở sản xuất thực phẩm mua muối i-ốt giảm xuống và lượng muối i-ốt do các cơ sở sản xuất thực phẩm đặt mua bị giảm đi vì một số cơ sở sản xuất thực phẩm quay trở lại sử dụng muối không tăng cường i-ốt.

2. Về thực hiện quy định bột mỳ dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường sắt và kẽm

2.1. Tình hình, kết quả thực hiện

a) Về tăng cường sắt và kẽm vào bột mỳ:

Các cơ sở được khảo sát đều sử dụng sắt (III) pyrophosphate và oxid kẽm được trộn sẵn dưới dạng hỗn hợp sắt, kẽm, tuân thủ quy định tại Thông tư số 44/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành “Danh mục vi chất dinh dưỡng sử dụng trong thực phẩm”.

Sản lượng bột mỳ được tăng cường sắt, kẽm của các cơ sở khác nhau, dao

²² Công văn số 8764/BNN-QLCL ngày 23/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo đánh giá 05 năm thực hiện Nghị định số 09

động từ 1 tấn cho tới 36.000 tấn (trong 3 tháng) chiếm từ dưới 1% tới 75% tùy theo đơn đặt hàng của các cơ sở sản xuất thực phẩm mà cơ sở nhận được. Các sản phẩm của cơ sở chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường nội địa (80%) và một số được xuất khẩu sang Singapore, Thái Lan, Indonesia, Lào, Campuchia, Hong Kong với tỉ lệ từ 1 đến 20% tùy từng cơ sở²³.

Kết quả Tổng điều tra Dinh dưỡng năm 2019-2020 trên người 15-49 tuổi, tiêu thụ trung bình bột mỳ và sản phẩm chế biến từ bột mỳ là 19,4 gram/người/ngày. Năm 2020, Việt Nam đã tiêu thụ hơn 7 tỷ gói mì ăn liền (sản xuất từ bột mỳ), tăng 29,5% so với năm 2019, đứng thứ 3 thế giới về lượng tiêu thụ, sau Trung Quốc và Indonesia; Đứng thứ 2 thế giới với mức tiêu thụ bình quân đầu người hơn 72 gói mì/năm so với 57 gói/năm 2019²⁴.

Kỹ thuật công nghệ tăng cường sắt, kẽm vào bột mỳ là dễ thực hiện và chi phí đối với nhà sản xuất thực phẩm là thấp, nhưng có hiệu quả cao khi so sánh với lợi ích sức khỏe cộng đồng. Bột mỳ là nguyên liệu thực phẩm mang vi chất tốt nhất, việc tăng cường đơn giản nhất, được sản xuất tập trung và giá thành rẻ nhất trong các ngũ cốc hiện nay. Việc tăng cường sắt, kẽm, axit folic vào bột mỳ đã được thực hiện ở nhiều nước trên thế giới (đã có 92 quốc gia quy định bắt buộc tăng cường vi chất vào bột mỳ). Giá thành bột mỳ sắt, kẽm tăng so với bột mỳ thường là 0,4-0,8%. Khi người dân được sử dụng bột mỳ và sản phẩm chế biến từ bột mỳ có tăng cường sắt và kẽm, sẽ góp phần hiệu quả phòng chống thiếu máu, thiếu sắt và thiếu kẽm, cải thiện trí tuệ, tầm vóc người Việt Nam.

b) Về sử dụng bột mỳ tăng cường sắt, kẽm để sản xuất thực phẩm:

Bột mỳ tăng cường sắt, kẽm sử dụng trong sản xuất thực phẩm được các cơ sở mua từ các nguồn sản xuất trong nước và nguồn nhập khẩu.

Tỉ lệ các sản phẩm thực phẩm có sử dụng bột mỳ được tăng cường sắt, kẽm chiếm 90-99% tổng sản lượng các sản phẩm có sử dụng bột mỳ, 100% các sản phẩm thực phẩm sử dụng bột mỳ sắt, kẽm chỉ dùng để tiêu thụ tại thị trường nội địa (không xuất khẩu).

Theo khảo sát năm 2018, tất cả các cơ sở sản xuất thực phẩm được khảo sát (5/5 cơ sở) đều bắt đầu sử dụng bột mỳ sắt, kẽm từ khi quy định bắt buộc tăng cường sắt, kẽm vào bột mỳ tại Nghị định số 09 có hiệu lực (15/3/2018).

2.2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Theo ý kiến của các doanh nghiệp tại cuộc khảo sát năm 2018, sự thay đổi

²³ Báo cáo số 125/ BC-BYT, ngày 09/02/2023 của Bộ Y tế về việc Đánh giá 05 năm thi hành Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28/01/2016 của Chính phủ về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm

²⁴ Cạnh tranh khốc liệt trong thị trường mì gói (tiedungvietnam.vn)

về cảm quan sản phẩm gây khó khăn cho tăng cường vi chất sắt, kẽm vào bột mì. Tuy nhiên, qua khảo sát tại một cơ sở sản xuất mì ăn liền thì mì ăn liền làm từ bột mì tăng cường vi chất sắt, kẽm có màu sắc vàng đậm hơn không đáng kể so với mì ăn liền không tăng cường.

Việc nhập khẩu nguồn cung ứng vi chất tăng cường vào thực phẩm khiến doanh nghiệp bị động, thậm chí gây gián đoạn trong quá trình sản xuất. Tuy nhiên, khi doanh nghiệp chủ động lập kế hoạch thì việc nhập khẩu nguyên liệu hoàn toàn có đủ nguồn cung từ các thị trường sẵn có.

Từ ngày 15/5/2018, sau khi nhận được thông tin liên quan đến việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 09, các cơ sở sản xuất bột mì báo cáo phần lớn các cơ sở sản xuất thực phẩm chỉ yêu cầu mua bột mì không tăng cường sắt, kẽm, chỉ còn số ít khách hàng đang đặt hàng nguyên liệu là bột mì sắt, kẽm và lượng bột mì sắt, kẽm do các cơ sở sản xuất thực phẩm đặt mua giảm đi.

3. Về thực hiện quy định dầu thực vật có chứa một trong các thành phần dầu đậu nành, dầu cọ, dầu hạt cải và dầu lạc phải tăng cường vitamin A (trừ dầu thực vật dùng trong chế biến thực phẩm theo phương pháp công nghiệp)

3.1. Tình hình, kết quả thực hiện

Các cơ sở được khảo sát đều sử dụng retinyl palmitate với hàm lượng tăng cường tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng QCVN 9-2:2010/BYT và Thông tư số 44/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành “Danh mục vi chất dinh dưỡng sử dụng trong thực phẩm”. Hiện nay, các cơ sở sản xuất dầu ăn đều dễ dàng tìm được nguồn cung ứng vitamin A với số lượng đủ đáp ứng yêu cầu.

Tất cả các sản phẩm dầu thực vật đóng chai chứa một trong các thành phần dầu đậu nành, dầu cọ, dầu hạt cải và dầu lạc đều được tăng cường vitamin A. Các sản phẩm chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường nội địa (99-100%) và một số được xuất khẩu sang Lào, Campuchia, Đài Loan, Mông Cổ, Úc với tỉ lệ nhỏ (dưới 1%).

Chi phí tăng cường vitamin A là 100 đồng/ chai song giá thành sản phẩm vẫn giữ cố định hoặc tăng ít do công ty thỏa thuận với cơ sở phân phối, bán lẻ.

Nhìn chung, các doanh nghiệp sản xuất dầu ăn đều cơ bản tuân thủ Nghị định số 09.

3.2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Trong quá trình triển khai, một số doanh nghiệp nêu một số khó khăn trong quá trình triển khai liên quan đến nguồn cung cấp vi chất, vấn đề áp dụng quy chuẩn cho dầu ăn tăng cường vitamin A. Một số khó khăn doanh nghiệp kiến nghị trong quá trình triển khai tuy nhiên đã được các cơ quan quản lý giải thích và giải quyết theo thẩm quyền (*Chi tiết tại Phụ lục 3. Các kiến nghị của doanh nghiệp*

trong quá trình triển khai Nghị định 09).

IV. CÔNG TÁC QUẢN LÝ SẢN XUẤT, KINH DOANH VI CHẤT DINH DƯỠNG VÀ THỰC PHẨM TĂNG CƯỜNG VI CHẤT DINH DƯỠNG

Về quản lý, sử dụng vi chất dinh dưỡng bắt buộc tăng cường vào thực phẩm (bao gồm i-ốt, sắt, kẽm và vitamin A): Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi chất dinh dưỡng (hoặc quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm); cấp giấy tiếp nhận bản đăng ký công bố hợp quy hoặc giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm đối với vi chất dinh dưỡng sản xuất trong nước và nhập khẩu, xác nhận nội dung quảng cáo đối với vi chất dinh dưỡng; cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh vi chất dinh dưỡng.

1. Tình hình, kết quả thực hiện

Theo phân công trách nhiệm quản lý nhà nước: Bộ Y tế có trách nhiệm quản lý đối với vi chất dinh dưỡng i-ốt, sắt, kẽm, Vitamin A được tăng cường vào thực phẩm; Bộ Y tế ban hành các quy định và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi chất dinh dưỡng bổ sung vào thực phẩm. Khi triển khai thực hiện Nghị định số 09, việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm áp dụng theo các quy chuẩn này.

Đối với vi chất dinh dưỡng nhập khẩu: Hiện nay, theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, các vi chất dinh dưỡng nhập khẩu về làm nguyên liệu sản xuất thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng phục vụ cho việc sản xuất nội bộ của tổ chức thì được miễn thủ tục tự công bố sản phẩm và thủ tục kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu. Do đó, doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm đối với sản phẩm nguyên liệu này.

Đối với các vi chất dinh dưỡng sản xuất, kinh doanh trong nước: Theo số liệu thống kê thì hiện nay chưa có doanh nghiệp nào đăng ký sản xuất mặt hàng này trong nước.

2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Phần lớn các quy chuẩn kỹ thuật được ban hành trước thời điểm Nghị định số 09 và dùng cho các sản phẩm có bổ sung vi chất dinh dưỡng chủ động theo nhu cầu sản phẩm của doanh nghiệp và nhu cầu thị trường. Do vậy, cần tiếp tục rà soát và bảo đảm thống nhất phạm vi áp dụng đối với các sản phẩm thực phẩm bổ sung và tăng cường vi chất dinh dưỡng.

Về quản lý thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng: Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng; cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm đối với thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng nhập khẩu, xác nhận nội dung quảng cáo đối với thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

3. Tình hình, kết quả thực hiện trách nhiệm của Bộ Y tế, Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác quản lý sản xuất, kinh doanh vi chất dinh dưỡng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng

3.1. Tình hình, kết quả thực hiện

Giai đoạn trước khi ban hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ (từ ngày 28/10/2016 đến ngày 02/02/2018): Bộ Y tế, Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai nhiệm vụ theo quy định cho sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của bộ, ngành mình như cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy và Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm cho các sản phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, thực hiện kiểm tra an toàn thực phẩm,...

Giai đoạn sau khi ban hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ (từ ngày 02/02/2018 đến nay): Các thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng (muối, dầu ăn, bột mỳ) thuộc đối tượng tự công bố sản phẩm và hồ sơ tự công bố được nộp đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chỉ định. Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, các sản phẩm vi chất dinh dưỡng và các thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng không thuộc diện phải đăng ký nội dung trước khi quảng cáo.

Trong quá trình thực hiện, Bộ Y tế, Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thường xuyên giải đáp, trả lời doanh nghiệp, Hiệp hội, đơn vị kịp thời trước khi có vướng mắc phát sinh.

3.2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Hiện nay, ngoại trừ muối tăng cường i-ốt đã có quy chuẩn²⁵, nhìn chung, chưa có quy chuẩn kỹ thuật riêng cho thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng mà chỉ áp dụng quy chuẩn kỹ thuật cho thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, mặc dù các Bộ đã có công văn hướng dẫn việc áp dụng quy chuẩn cho sản phẩm thực phẩm tăng cường vi chất, tuy nhiên chỉ mang tính chất cụ thể cho từng trường hợp, chưa có văn bản để hướng dẫn chung trong việc áp dụng quy chuẩn cho các sản phẩm trên.

V. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đánh giá về kết quả thực hiện

Tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng (vi chất i-ốt, vi chất sắt, vi chất kẽm, vitamin A) vẫn là vấn đề có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng cần phải can thiệp ở Việt Nam hiện nay. Qua 7 năm triển khai Nghị định số 09, tình trạng thiếu hụt vi chất dinh dưỡng trong cộng đồng vẫn còn cao và cần có giải pháp để tăng cường hiệu

²⁵ QCVN 9-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với muối Iod và Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 3974:2015 về muối thực phẩm.

quả can thiệp toàn diện ở cấp độ cộng đồng thông qua việc tăng cường thực hiện Nghị định số 09.

Theo kết quả Tổng điều tra dinh dưỡng năm 2019-2020, khẳng định quần thể người dân Việt Nam vẫn còn chưa đạt đủ lượng i-ốt tiêu thụ hàng ngày so với khuyến nghị, cần tiếp tục thực hiện tăng cường i-ốt vào muối dùng để ăn trực tiếp và muối dùng trong chế biến thực phẩm, nhằm đảm bảo đạt được chỉ tiêu phòng chống thiếu i-ốt theo Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045 (Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 5/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

Việc thực hiện Nghị định số 09 gặp phải nhiều kiến nghị trì hoãn từ các doanh nghiệp, đề nghị chỉ khuyến khích áp dụng việc tăng cường vi chất. Các kiến nghị này xuất phát từ việc các quy định của Nghị định số 09 phần nào tác động đến gia tăng chi phí sản xuất, tăng thêm các yêu cầu kỹ thuật ảnh hưởng đến lợi ích của doanh nghiệp. Ngoài ra, từ khi có Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 5/5/2018 của Chính phủ, nhiều doanh nghiệp không tiếp tục thực hiện Nghị định số 09, đồng thời Nghị định số 09 vẫn còn hiệu lực toàn bộ, từ đó làm hiệu quả thi hành của Nghị định số 09 bị giảm sút.

Mặc dù một số doanh nghiệp có kiến nghị liên quan đến việc thực thi Nghị định 09 nhưng theo kết quả khảo sát của Bộ Y tế: “Về nhận thức đối với mục đích tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm: 20/21 cơ sở được khảo sát đều cho rằng việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm là tốt cho sức khỏe cộng đồng” (Trích Báo cáo số 1495/BC-BYT ngày 28/12/2018).

2. Kiến nghị, đề xuất các Bộ, ngành

2.1. Bộ Y tế

- Xây dựng Dự thảo Nghị định trình Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định 09/2016/NĐ-CP phù hợp với cơ sở khoa học tại Việt Nam.
- Truyền thông, phổ biến Nghị định tới cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh để thực thi Nghị định hiệu quả, nghiêm túc, tự giác theo các quy định trong Bộ Y tế.
- Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm soát. Tuân thủ các quy định trong Nghị định.
- Tham mưu với Chính phủ để tiếp tục thực hiện Nghị định này trên cơ sở giữ nguyên vi chất dinh dưỡng tăng cường và thực phẩm bắt buộc phải tăng cường vi chất dinh dưỡng.
- Tiếp tục tuyên truyền tới người tiêu dùng, các doanh nghiệp về lợi ích của việc sử dụng thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng và sản phẩm thực phẩm sản xuất từ nguyên liệu tăng cường vi chất dinh dưỡng.
- Soát xét và sửa đổi các quy chuẩn đối với thực phẩm bổ sung hiện đang áp dụng chúng đối với sản phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng để đảm bảo phạm vi

điều chỉnh của các quy chuẩn này áp dụng đối với các sản phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

2.2. Các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương

- Ban hành các quy định về xử lý các vi phạm trong Nghị định và các văn bản pháp luật liên quan đến tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm.

- Tuyên truyền cho các doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng được phân công quản lý tuân thủ nghiêm Nghị định số 09.

- Xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện hoạt động kiểm tra việc thực hiện Nghị định số 09 đối với sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của bộ mình.

- Tiếp tục phối hợp với các cơ sở sản xuất thực phẩm theo dõi những tác động không mong muốn, ảnh hưởng đến cảm quan của sản phẩm cuối cùng khi sử dụng các nguyên liệu tăng cường vi chất dinh dưỡng (nếu có) và tìm kiếm những hỗ trợ kỹ thuật từ các chuyên gia để cải tiến công nghệ và tìm cách khắc phục những khó khăn này.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với việc thực thi Nghị định số 09 tại tất cả các cơ sở trên (bao gồm cả các sản phẩm nhập khẩu) và xử phạt nghiêm khắc để các cơ sở triển khai nghiêm túc, tạo môi trường kinh doanh công bằng. Đồng thời, chế tài xử phạt các hành vi vi phạm cũng được quy định chi tiết tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

2.3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn của địa phương về thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng và vi chất dinh dưỡng tăng cường.

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến về lợi ích của tăng cường vi chất dinh dưỡng.

- Vận động tuyên truyền cho các doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng thuộc phạm vi quản lý tuân thủ nghiêm Nghị định số 09.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với việc thực thi Nghị định số 09 tại tất cả các cơ sở trên (bao gồm cả các sản phẩm nhập khẩu) và xử phạt nghiêm để các cơ sở triển khai nghiêm túc, tạo môi trường kinh doanh công bằng.

2.4. Đề nghị đối với các doanh nghiệp, hiệp hội

- Vận động tuyên truyền cho các doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng thuộc phạm vi quản lý tuân thủ nghiêm Nghị định số 09.

- Ủng hộ các chính sách của Chính phủ vì sức khỏe cộng đồng.

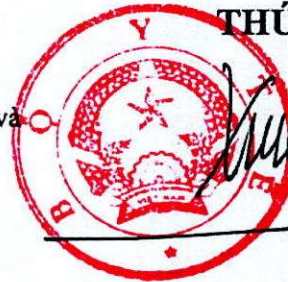
- Cam kết tiếp tục thực hiện Nghị định số 09.

Trên đây là báo cáo đánh giá 07 năm (từ tháng 01/2016 đến 02/2024) thi hành Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm, kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng (để biết);
- Cục ATTP, Viện Dinh dưỡng, Viện CLCSYT;
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Tuyên